

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 179/2021/QĐST-VDS

Châu Thành, ngày 06 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Tuấn C, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: anh Trần Tuấn C và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/12/2020 trên tinh thần tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau thời gian chung sống cho đến tháng 3/2021 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, có những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, cho nên vợ chồng anh, chị không thể giải quyết để duy trì hôn nhân. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh C và chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh C và chị T thừa nhận không có con chung, nên không xét đến.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4] Về nợ chung: Hai bên thừa nhận không có nên Tòa án không xét đến.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh C và chị T phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tuấn C và chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Anh C và chị T thừa nhận không có con chung, nên không xét đến.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến

- Về nợ chung: Hai bên thừa nhận không có, nên không xét đến.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C và chị T phải chịu, anh chị thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000110 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh chị đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã An Hóa huyện CT, tỉnh BT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tuấn